

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 – GIA LAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST  
Ngày: 31-10-2025  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Duy Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trương Thị Hiệp;
- Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 91/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Phan Văn L1, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Bà và ông Phan Văn L1 có quan hệ vay tài sản. Bà là bên cho vay còn ông L1 là bên vay. Ngày 14/9/2020, vợ chồng ông Phan Văn L1, bà Phan Thị Mai T1 vay

bà 105.000.000 đồng. Khi vay, vợ chồng ông L1, bà Tuyết có lập văn bản và ký tên. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 14/9/2020. Các bên có thỏa thuận bằng lời nói về việc tính lãi nhưng không lập thành văn bản, lãi suất cụ thể thì bà không nhớ. Từ khi vay tiền đến nay vợ chồng ông L1 không trả tiền cho bà. Hiện nay bà Phan Thị Mai T1 đã chết.

Chồng bà tên là Nguyễn Tri P, sinh năm: 1952; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai. Số tiền cho vay là tài sản riêng của bà và không liên quan đến ông P.

Mặc dù khi vay bà Phan Thị Mai T1 là vợ của ông L1 cùng ký tên nhưng bà tự nguyện xác định chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn L1 phải trả một lần toàn bộ số tiền vay gốc 105.000.000 đồng cho bà. Bà không yêu cầu tính lãi, không chấp nhận trả dần.

***Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn L1 trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị L có quan hệ vay tài sản. Ông là bên vay còn bà L là bên cho vay. Vợ ông là Phan Thị Mai T1, chết năm 2023.

Ngày 14/9/2020, vợ chồng ông vay bà Nguyễn Thị L 105.000.000 đồng. Khi vay, vợ chồng ông có lập văn bản và ký tên. Theo thỏa thuận, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 14/9/2020. Về lãi suất, các bên không thể hiện bằng văn bản nhưng có thỏa thuận bằng lời nói về việc tính lãi. Lãi suất cụ thể thì ông không nhớ.

Sau khi vay tiền đến nay vợ chồng ông đã trả được khoảng 30.000.000 đồng. Vì tin tưởng nên ông không yêu cầu bà L phải viết giấy nhận tiền. Ông xác định không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã trả được 30.000.000 đồng nên tự nguyện xác định còn nợ bà L 105.000.000 đồng tiền vay gốc.

Bà L yêu cầu ông phải trả 105.000.000 đồng tiền vay gốc, không yêu cầu tính lãi và không chấp nhận trả dần thì ông thừa nhận còn nợ bà L 105.000.000 đồng tiền vay gốc nhưng sẽ trả toàn bộ số nợ vào ngày 01/6/2026.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Phan Văn L1 phải trả cho bà Nguyễn Thị L một lần số tiền 105.000.000 đồng tiền vay gốc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu tính lãi. Bác yêu cầu của ông L1 trả cho bà

L vào ngày 01/6/2025. Về án phí, đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện ông Phan Văn L1 có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Mặc dù tại thời điểm cho vay, ông Nguyễn Tri P và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng nhưng ông P tự nguyện xác định số tiền cho vay là tài sản riêng của bà L. Việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi của ông P nên Tòa án không đưa ông Phương tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo văn bản nhận nợ, vợ của ông Phan Văn L1 là bà Phan Thị Mai T1 (chết) cùng ký tên nhưng bà L chỉ yêu cầu ông Phan Văn L1 trả nợ. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà L.

[4] Bà L xác định hiện nay ông L1 còn nợ bà L 105.000.000 đồng tiền vay gốc và được ông L1 thừa nhận. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hiện nay ông L1 còn nợ bà L 105.000.000 đồng tiền vay gốc.

[5] Bà L yêu cầu ông L1 phải trả một lần toàn bộ số tiền vay gốc nhưng ông L1 không đồng ý mà chỉ có thể trả số tiền vay gốc còn nợ vào ngày 01/6/2026. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, bà L có quyền yêu cầu ông L1 trả tiền sau khi vay. Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Ông L1 vay tiền bà L nên phải trả đủ tiền cho bà L khi đến hạn. Do đó, bà L yêu cầu ông L1 phải trả một lần toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, bà L có quyền yêu cầu ông L1 trả tiền lãi. Tuy nhiên trong vụ án này bà L tự nguyện không yêu cầu ông L1 trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông L1 phải chịu toàn bộ án phí do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận. Mức án phí được tính  $5\% \times 105.000.000 \text{ đồng} = 5.250.000 \text{ đồng}$ .

[8] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Áp dụng Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.
2. Buộc ông Phan Văn L1 phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay gốc còn nợ là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu tính lãi.
3. Về án phí: Buộc ông Phan Văn L1 phải chịu 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Võ Duy Minh**